

Số: **986** /QĐ-BNN-KHCN

— Hà Nội, ngày **09** tháng **5** năm **2014**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 899/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 3246/QĐ-BNN-KHCN ngày 27/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2013-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và các phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN (50b).



**Cao Đức Phát**

## **KẾ HOẠCH**

**Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 986 /QĐ-BNN-KHCN ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Nhằm cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành với các nội dung chủ yếu sau:

### **I. MỤC TIÊU**

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

### **II. NỘI DUNG**

#### **1. Xác định nhiệm vụ nghiên cứu và khuyến nông trọng tâm**

**1.1. Nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên nghiên cứu khoa học (Nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên nghiên cứu khoa học được quy định chi tiết tại Phụ lục 1)**

##### **a) Lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật**

- Xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) tập trung nghiên cứu chọn tạo và ứng dụng các giống năng suất cao, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh cho các đối tượng cây trồng chủ lực (lúa, ngô, đậu tương, điều, chè, cà phê, hồ tiêu, cao su, nhãn, vải, thanh long, xoài, rau, hoa) phục vụ xuất khẩu và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- Tập trung ưu tiên các nhiệm vụ rà soát hiện trạng cơ cấu giống lúa để xác định bộ giống lúa chủ lực; nghiên cứu cải tiến, chọn tạo mới và phát triển các giống lúa chủ lực chất lượng gạo cao và chuyển giao vào sản xuất.

- Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các quy trình thâm canh tổng hợp; quản lý sâu bệnh tổng hợp phục vụ sản xuất các đối tượng cây trồng chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào trên một đơn vị diện tích, giảm phát thải khí nhà kính.

quả; tái canh cà phê hiệu quả bằng các giống năng suất chất lượng cao. Mở rộng sản xuất rau an toàn, hoa công nghệ cao hướng tới xuất khẩu.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dự tính, dự báo dịch bệnh cây trồng và kiểm dịch thực vật.

#### **b) Lĩnh vực chăn nuôi, thú y**

- Xác định các nhiệm vụ KHCN nhằm đẩy mạnh nghiên cứu chọn tạo giống vật nuôi chủ lực (lợn, gà lông màu, vịt chuyên thịt, chuyên trứng) phù hợp với vùng sinh thái; ứng dụng công nghệ tiên tiến và kỹ thuật chăn nuôi an toàn dịch bệnh, hướng tới chăn nuôi an toàn sinh học.

- Nghiên cứu tạo các chế phẩm công nghệ sinh học, thức ăn bổ sung trong chăn nuôi; công thức chế biến và sử dụng có hiệu quả nguồn thức ăn sẵn có, nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp phục vụ phát triển chăn nuôi.

- Nghiên cứu ứng dụng nhanh công nghệ thông tin, tin học hóa vào công tác quản lý giống vật nuôi.

- Làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin phòng một số bệnh truyền nhiễm chính: lở mồm long móng, cúm, tai xanh.

- Nghiên cứu làm chủ công nghệ phối, tinh đông lạnh phục vụ sản xuất giống vật nuôi chủ lực năng suất chất lượng cao.

#### **c) Lĩnh vực thủy sản**

- Triển khai các nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu phát triển và làm chủ công nghệ tạo giống bố mẹ và kỹ thuật nhân giống đối với một số giống thủy sản chủ lực (tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cá tra, cá rô phi, nghêu, tu hài) sạch bệnh phục vụ sản xuất.

- Nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh và quy trình phòng trừ bệnh tổng hợp trên một số đối tượng chủ lực (tôm, cá, nghêu, tu hài) phục vụ nuôi trồng thủy sản, đảm bảo an toàn thực phẩm; ứng dụng quy trình công nghệ tiên tiến nuôi thâm canh, nuôi công nghiệp tiết kiệm nước.

- Nghiên cứu tạo các chế phẩm sinh học, vắc xin, thuốc thú y thủy sản, quy trình công nghệ sản xuất thức ăn trong nuôi trồng thủy sản; công thức chế biến và sử dụng có hiệu quả nguồn thức ăn phục vụ phát triển thủy sản, công nghệ sản xuất được phẩm chức năng có nguồn gốc từ thủy sản.

- Nghiên cứu công nghệ khai thác, chế tạo thiết bị bảo quản phục vụ hiện đại hoá tàu cá xa bờ; thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị khai thác, bảo quản sản phẩm trên tàu đánh bắt cá ngừ đại dương đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị sản phẩm.

#### **d) Lĩnh vực lâm nghiệp**

- Triển khai các nhiệm vụ KH&CN nhằm chọn tạo và phát triển sản xuất các giống cây lâm nghiệp sinh trưởng nhanh (keo, bạch đàn), cây bản địa làm gỗ lớn, cây lâm sản ngoài gỗ có lợi thế cạnh tranh cao.

- Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ và sản xuất các nguyên liệu phụ trợ trong sản xuất đồ mộc xuất khẩu và gỗ xây dựng từ nguồn nguyên liệu trong nước.

- Ưu tiên nghiên cứu xây dựng gói kỹ thuật tối ưu về chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng cung cấp gỗ lớn, trồng lại rừng sau khai thác, trồng rừng mới theo hướng thâm canh, giá thành phù hợp cho từng nhóm cây trồng ở các điều kiện lập địa khác nhau để chuyển giao vào thực tiễn.

**d) Lĩnh vực thủy lợi**

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về chính sách và công nghệ đẩy mạnh ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm cho một số loại cây trồng chủ lực (tập trung cho lúa, cà phê) nhằm gia tăng giá trị trên một đơn vị diện tích.

- Nghiên cứu thiết kế hệ thống thủy lợi (đê bao, kênh cấp thoát nước, cống, trạm bơm, ...) phù hợp để thúc đẩy nuôi thâm canh, nuôi công nghiệp một số loài thủy sản chủ lực phục vụ xuất khẩu; đề xuất giải pháp để lấy nước chủ động (mặn, ngọt), giải pháp tiết kiệm nước, xử lý nước thải đảm bảo môi trường vùng nuôi trồng thủy hải sản trọng tâm khu vực duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long.

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng và quản lý an toàn hồ chứa, đập, đê sông, đê biển và công trình phòng tránh giảm nhẹ thiên tai.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, đề xuất giải pháp quản lý tổng hợp, dự báo phục vụ phòng chống lũ.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi hiện có theo hướng phục vụ đa mục tiêu, phù hợp với tái cơ cấu ngành.

**e) Lĩnh vực Cơ điện, Công nghệ sau thu hoạch và muối**

*- Cơ điện và Công nghệ sau thu hoạch*

+ Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thiết bị sơ chế và bảo quản các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao chất lượng, giảm tổn thất trong nông nghiệp.

+ Nghiên cứu, hoàn thiện thiết kế, công nghệ chế tạo một số máy và thiết bị để phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất một số cây trồng chính.

+ Nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và hệ thống thiết bị trong lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản (chế biến thức ăn, cơ giới hóa chuồng trại, giết mổ và bảo quản sản phẩm).

+ Nghiên cứu công nghệ, thiết bị và ứng dụng để chế biến sâu một số sản phẩm có tiềm năng.

+ Nghiên cứu phát triển kỹ thuật điện và tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông sản.

nghiệp.

+ Hiện đại hóa đội tàu gỗ phục vụ đánh bắt xa bờ.

- *Muối*

+ Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và thiết bị phục vụ sản xuất muối, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất muối, kết hợp thu hồi các sản phẩm phụ có giá trị cao (thạch cao, magie).

+ Nhân rộng mô hình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới sản xuất muối sạch; khuyến khích doanh nghiệp liên kết với diêm dân, đầu tư sản xuất và chế biến muối sạch gắn với vùng nguyên liệu, tăng tỷ lệ muối chế biến đảm bảo ATTP, phối hợp với các địa phương chỉ đạo xây dựng mô hình nông thôn mới tại các xã làm muối.

### **g) Lĩnh vực kinh tế, chính sách và quản lý**

- Rà soát tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và khuyến nông thuộc phạm vi quản lý của Bộ; đề xuất sửa đổi bổ sung (nếu cần thiết) để thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng KHCN phục vụ tái cơ cấu ngành.

- Nghiên cứu các yếu tố tác động đến tăng trưởng của ngành và đề xuất giải pháp thúc đẩy tăng trưởng.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhất là mở rộng thị trường chế biến tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hoá có liên kết với nông dân sản xuất nguyên liệu.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách đảm bảo phân chia lợi ích theo chuỗi giá trị sản phẩm, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Đẩy mạnh nghiên cứu thị trường phục vụ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại đối với nông, lâm, thủy sản.

- Nghiên cứu các mô hình liên kết và hợp tác thành công trong thực tế và đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển mô hình liên kết và hợp tác trong nông nghiệp.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách gắn kết nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và nông dân trong việc nghiên cứu nhằm tạo ra các sản phẩm KHCN có hiệu quả và có tính ứng dụng cao.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp huy động nguồn lực xã hội tham gia hoạt động khoa học phục vụ tái cơ cấu ngành.

- Nghiên cứu tác động của việc tham gia các khu vực thương mại tự do, trước mắt là tham gia Hiệp định TPP, đến sản xuất và thương mại hàng nông sản (những cơ hội và thách thức) và đề xuất chính sách để nâng cao khả năng cạnh tranh cho nông sản Việt Nam.

#### **h) Ứng dụng công nghệ**

- Công nghệ bảo quản nông sản: xây dựng các nhiệm vụ KH&CN tập trung ưu tiên ứng dụng chuyển giao công nghệ và thiết bị sơ chế, chế biến sâu và bảo quản các sản phẩm nông sản hàng hoá chủ lực.

- Công nghệ bảo quản thủy sản trên tàu cá: Nghiên cứu công nghệ và thiết bị bảo quản thủy sản trên tàu cá đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị thương phẩm, giảm giá thành chi phí và tổn thất sau đánh bắt.

- Ứng dụng công nghệ viễn thám, tin học, viễn thông:

+ Nghiên cứu ứng dụng tin học, viễn thông, viễn thám trong điều tra kiểm kê rừng, giám sát phá rừng, suy thoái rừng, phòng chống cháy rừng, giám sát cảnh báo thiên tai;

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong quản lý các loại cây trồng nông nghiệp; cảnh báo, dự báo và giám sát sâu bệnh hại; dự báo ngư trường; vận hành hệ thống thủy lợi giám sát và cảnh báo lũ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Bộ.

- Phát triển ứng dụng công nghệ sinh học:

+ Xây dựng các nhiệm vụ KH&CN tập trung ưu tiên nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học và làm chủ công nghệ: sản xuất vắc xin phục vụ phòng bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi, thủy sản; nghiên cứu, áp dụng và sản xuất các giống cây trồng bông, ngô, đậu tương mới trên nền móng công nghệ sinh học hiện đại; công nghệ và dây chuyền sản xuất các chế phẩm sinh học chất lượng cao ở quy mô công nghiệp, công nghệ vi nhân giống một số loại cây trồng nông, lâm nghiệp quy mô công nghiệp tiến tới hình thành và phát triển ngành công nghiệp công nghệ sinh học;

+ Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn sinh học thuộc thẩm quyền của Bộ để áp dụng thành tựu công nghệ sinh học tiên tiến trên thế giới vào Việt Nam một cách an toàn và có hiệu quả;

+ Tạo mọi điều kiện thuận lợi và khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp bắt đầu từ khâu nghiên cứu đến phát triển sản phẩm và hợp tác thương mại hóa sản phẩm tạo ra;

+ Nghiên cứu xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ những doanh nghiệp đang ứng dụng công nghệ sinh học để mở rộng khả năng sản xuất nhằm đưa nhanh sản phẩm, giống cây trồng, vật nuôi vào sản xuất.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong chuỗi cung ứng, sử dụng phụ phẩm và chất thải môi trường, đặc biệt với môi trường làng nghề nông thôn.

#### **i) Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ cao**

- Xây dựng các nhiệm vụ KH&CN tập trung trên một số cây trồng chủ lực (lúa, ngô, rau, hoa cao cấp, chè, tiêu, cà phê, điều, cao su, mía, thanh long, cây có múi, nhãn, vải, xoài, keo, bạch đàn); vật nuôi (bò sữa, bò thịt, lợn, gia cầm, cá tra, tôm, nhuyễn thể hai mảnh vỏ).

trien cây, con giống có chất lượng cao; tạo ra các chế phẩm sinh học bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

- Phát triển quy trình công nghệ thâm canh tổng hợp và tự động hóa trong trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản để tạo ra các sản phẩm an toàn có hiệu quả kinh tế cao.

- Phát triển công nghệ tiên tiến trong đánh bắt hải sản theo hướng hiệu quả và bền vững nguồn lợi.

- Nghiên cứu tạo ra các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; nghiên cứu phát triển công nghệ bảo quản sản phẩm nông nghiệp; nhập công nghệ chưa có trong nước, nghiên cứu thử nghiệm, làm chủ và thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài.

- Triển khai thực hiện một số dự án nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp hàng hoá ứng dụng công nghệ cao; hoàn thiện công nghệ cao, ươm tạo công nghệ; xây dựng mô hình và đầu tư sản xuất sản phẩm để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, có thể thay thế sản phẩm nhập khẩu (tập trung cho phát triển các khu, vùng và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

## **1.2. Nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên về khuyến nông (Nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên về khuyến nông được quy định chi tiết tại Phụ lục 2)**

- Xây dựng các dự án khuyến nông tập trung ưu tiên trên các đối tượng nông, lâm, thủy sản chủ lực phục vụ tái cơ cấu.

- Các nhiệm vụ khuyến nông phải được xuất phát từ nhu cầu của thực tế sản xuất và của nông dân ở từng vùng, miền phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng và các nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên của đề án tái cơ cấu.

- Xây dựng các mô hình trình diễn giới thiệu chuyển giao các TBKT tập trung trên các đối tượng chủ lực gắn với đào tạo nông dân.

- Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền phổ biến các giống, công nghệ mới, quy trình công nghệ và TBKT mới phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá, nâng cao thu nhập cho nông dân và phát triển bền vững.

- Rà soát, đánh giá tổng thể, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông; nâng cao vai trò của khuyến nông xã hội, tăng cường hợp tác công tư trong khuyến nông, các nghiên cứu định hướng hoạt động khuyến nông theo tiêu chuẩn quốc tế.

## **2. Đổi mới cơ chế chính sách**

### **2.1. Khuyến khích các tổ chức khoa học công nghệ công lập nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ**

- Tiếp tục khuyến khích các đơn vị sự nghiệp khoa học công lập chuyển đổi để tự chủ cao hơn về tổ chức bộ máy, tài chính, có cơ chế gắn chặt với sản phẩm, bao gồm sản phẩm Bộ giao, sản phẩm nghiên cứu cụ thể và sản phẩm ứng dụng.

- Khuyến khích các trường đại học, cao đẳng tham gia nghiên cứu và chuyển giao KH&CN thông qua việc đẩy mạnh phương thức đặt hàng giao trực tiếp trong lĩnh vực KH&CN. Ưu tiên các trường Đại học, Cao đẳng tập trung nghiên cứu cơ bản kết hợp với nghiên cứu ứng dụng và đào tạo nguồn nhân lực đồng thời tạo ra sản phẩm, quy trình công nghệ cao phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực của ngành Nông nghiệp và PTNT.

- Tiếp tục tổ chức chi đạo thực hiện tốt Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHCN ngày 28/12/2012 về Hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 846/QĐ-TTg, ngày 2/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện hệ thống và ổn định tổ chức nghiên cứu khoa học nông nghiệp và PTNT theo hướng chuyên lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, thủy lợi, lâm nghiệp) và theo hướng đa lĩnh vực (chiến lược và chính sách, quy hoạch, cơ điện và sau thu hoạch) để tránh dàn trải, trùng lặp. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phục vụ nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, tạo ra đột phá trong phát triển nông nghiệp và nông thôn.

- Tổ chức đánh giá độc lập các đơn vị KHCN về hiệu quả đầu tư và triển khai các nhiệm vụ được giao; mức độ ứng dụng và công bố của các sản phẩm khoa học, công nghệ (số giống, quy trình công nghệ đã được công nhận, quy mô áp dụng; bài báo khoa học trên tạp chí uy tín quốc tế...).

- Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ nhằm phát huy cao nhất nguồn lực KH&CN, mỗi liên kết giữa trường và viện, giữa cơ sở nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ.

**2.2. Khuyến khích tư nhân nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ**

- Khuyến khích các doanh nghiệp đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN, tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp các đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học từ các đề tài trong và ngoài nước thông qua chuyển giao công nghệ;

- Khuyến khích doanh nghiệp chủ trì thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ; ưu tiên hỗ trợ các đề tài, dự án nghiên cứu, đầu tư xây dựng, phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sinh học phục vụ tái cơ cấu ngành.

- Khuyến khích và hỗ trợ các dự án đổi mới công nghệ, hoàn thiện công nghệ hoặc cải tiến công nghệ đã có, cải tiến dây chuyền, máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ cho các ngành sản xuất với mục đích nâng cao năng suất, chất lượng hoặc sản xuất ra sản phẩm mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển, thành lập doanh nghiệp KH&CN nông nghiệp có năng lực đủ mạnh để thực hiện vai trò nòng cốt, truyền dẫn công nghệ, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng



- Hoàn thiện các nghiên cứu và đề xuất chính sách thúc đẩy hợp tác công tư: liên kết tổ chức KH&CN với doanh nghiệp để thúc đẩy thương mại hoá kết quả nghiên cứu KH&CN.

### **3. Tăng cường năng lực các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao**

#### **3.1. Đào tạo nhân lực**

- Xây dựng đội ngũ cán bộ KHCN có tâm huyết, đủ năng lực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mang tính chuyên môn hóa cao, có kinh nghiệm, có kỹ năng làm việc độc lập trong môi trường quốc tế.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ KHCN trẻ có trình độ chuyên môn cao để hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trên một số lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sinh học.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo sau đại học (tiến sĩ, thạc sĩ theo chuyên ngành) trong nước và ngoài nước từ các nguồn khác nhau; gắn đào tạo sau đại học với việc tham gia triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và chuyển giao TBKT.

- Khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ để các cán bộ chủ trì/tham gia đề tài, dự án được cử đi học tập ngắn hạn tại các nước phát triển, tham gia các Hội nghị, hội thảo chuyên ngành phục vụ trực tiếp cho việc triển khai đề tài, dự án.

- Nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ; vai trò của việc đăng ký bảo hộ SHTT, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích... đối với các sản phẩm KH&CN, quy trình kỹ thuật trong việc chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn sản xuất mang lại hiệu quả và tính bền vững.

#### **3.2. Nâng cấp các cơ sở nghiên cứu và chuyển giao**

- Tổ chức khảo sát, đánh giá, quy hoạch đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản của các trường đại học, viện nghiên cứu. Tập trung đầu tư một số tổ chức khoa học và công nghệ trọng điểm, các nhóm nghiên cứu mạnh đủ năng lực giải quyết những vấn đề lớn của ngành và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Rà soát, sắp xếp lại, tăng cường đầu tư và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu và chuyển giao TBKT.

- Xây dựng đề án thư viện điện tử về cơ sở dữ liệu KHCN, các công trình nghiên cứu KHCN trong và ngoài nước để đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tạo điều kiện để các cán bộ khoa học tham khảo, khai thác các công trình, thành tựu nghiên cứu của thế giới, cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tổ chức tổng rà soát hệ thống khuyến nông từ trung ương đến địa phương; đào tạo tập huấn để nâng cao trình độ cán bộ khuyến nông địa phương; xây dựng

hệ thống mạng lưới khuyến nông địa phương tham gia trực tiếp vào việc chuyển giao công nghệ, TBKT gắn với đào tạo nghề cho nông dân trên sản phẩm có lợi thế của từng vùng.

- **Đẩy mạnh việc thành lập các doanh nghiệp KH&CN và tăng cường đầu tư** cho các đơn vị có chức năng chuyển giao công nghệ để nâng cao việc ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

#### **4. Tăng cường quản lý nhà nước**

- Tổ chức đánh giá tổng kết việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKH&CN ngày 28/12/2012 về Hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 2/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và PTNT; đề xuất cơ chế chính sách để đổi mới cơ chế quản lý KH&CN theo hướng chuyển từ quản lý theo nhiệm vụ KH&CN sang khoán, đặt hàng sản phẩm KH&CN.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư cho phát triển KH&CN như: xây dựng cơ chế gắn kết giữa nguồn NSNN cho nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm với kinh phí đóng góp từ phía doanh nghiệp để sản xuất, thương mại hóa các sản phẩm nông nghiệp.

- Thay đổi việc xác định nhiệm vụ KH&CN để đảm bảo tính khoa học và minh bạch, tránh áp lực về thời gian; cải tiến hình thức tổ chức thẩm định đề cương nhiệm vụ cũng như nghiệm thu sản phẩm. Ngoài việc tổ chức Hội đồng như hiện nay, cần tổ chức theo hình thức chuyên gia thẩm định độc lập; gắn kết các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các chương trình phát triển KT-XH của địa phương, đặc biệt là chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Rà soát tổng thể hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; xây dựng kế hoạch hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng sản phẩm nông sản bằng hệ thống quy chuẩn quốc gia theo nhóm sản phẩm; hài hoà hoá tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về KH&CN gồm: hệ thống mạng lưới các tổ chức (viện, trường, trung tâm, phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm; cán bộ KH&CN và chuyển giao của ngành nông nghiệp; cơ sở dữ liệu, thông tin về danh mục các nhiệm vụ KH&CN, khuyến nông đã và đang triển khai trong vòng 5 năm gần đây, kết quả nghiệm thu, sản phẩm KH&CN, TBKT mới, giống mới, quy trình công nghệ mới, chế phẩm, thiết bị, máy móc...

- Xây dựng kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức về nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Hợp tác với Viện Nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI) nghiên cứu phân tích chuỗi sản xuất lúa gạo, xác định các vấn đề tồn tại, đề xuất nghiên cứu nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm lúa gạo.

- Xây dựng chương trình nghiên cứu song phương với IRRI về chọn tạo giống lúa trung hạn và dài hạn (đặc biệt về ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống); đào tạo đội ngũ các nhà nghiên cứu trẻ phục vụ cho chương trình.

- Xây dựng các nhiệm vụ KH&CN có sự tham gia nghiên cứu của chuyên gia quốc tế từ các tổ chức KHCN tiên tiến trên thế giới để nâng cao hàm lượng khoa học cho các đề tài dự án; đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ sinh học, công nghệ viễn thám.

- Hợp tác nghiên cứu trong khuôn khổ các văn bản thỏa thuận song phương và đa phương đối với các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp.

- Hệ thống hoá cơ sở dữ liệu, thông tin về các tổ chức KH&CN quốc tế có uy tín để xây dựng kế hoạch tổng thể về hợp tác trong nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ cho các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; tổ chức các đoàn ra để trao đổi và xây dựng kế hoạch nghiên cứu cụ thể trên các vấn đề mà các bên cùng quan tâm để thúc đẩy hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo.

- Thúc đẩy hợp tác công tư, xây dựng một số dự án hợp tác công tư trên một số đối tượng chủ lực, công nghệ mới mà Việt Nam chưa tạo ra hoặc chưa làm chủ được công nghệ.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích nhập khẩu, chuyển nhượng bản quyền công nghệ, giống, thiết bị tiên tiến mà trong nước chưa sản xuất được.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công (quy định chi tiết tại Phụ lục 3), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện kịp thời và có hiệu quả những nội dung của Kế hoạch này.

2. Hàng năm (định kỳ hoặc đột xuất) các đơn vị liên quan đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng KHCN trọng tâm thuộc lĩnh vực được giao phụ trách về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Định kỳ 6 tháng, hàng năm các đơn vị tiến hành rà soát báo cáo Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện.

4. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ 6 tháng, 1 năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp, tham mưu cho Bộ báo cáo Chính phủ, Thủ Tướng Chính phủ.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi bổ sung Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo Bộ trưởng để xem xét, quyết định./.



## Phụ lục 1

**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ TIẾNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHỤC VỤ TÁI CƠ CẤU NGÀNH THEO HƯỚNG  
 (KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 986/QĐ-KHCN NGÀY 09 THÁNG 5 NĂM 2014 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT)**

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
1	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật				
1	Cây lúa				
1.1	Đánh giá hiện trạng cơ cấu giống lúa trong sản xuất và đề xuất bộ giống lúa chủ lực năng suất, chất lượng, thích ứng rộng, phù hợp với vùng trồng lúa trọng điểm phục vụ xuất khẩu	Bộ giống lúa chủ lực: 3 – 4 giống chủ lực/loại giống/vụ cho mỗi vùng năng suất đạt 6 – 7 tấn/ha đối với giống lúa xuất khẩu; 5 – 6 tấn/ha đối với giống lúa thom, chống chịu sâu bệnh khá; năng suất, chất lượng có giá trị tương đương từ 600USD/tấn trở lên.	Cục Trồng trọt	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	2014-2015
1.2	Nghiên cứu hoàn thiện tối ưu hoá quy trình sản xuất giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng và giống xác nhận đối với bộ giống lúa chủ lực xuất khẩu quy mô công nghiệp phục vụ sản xuất	Quy trình công nghệ sản xuất hạt giống quy mô công nghiệp. Tăng tỷ lệ sử dụng giống xác nhận lên 50% tại các vùng sản xuất lúa trọng điểm	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Cục Trồng trọt	2014-2016
1.3	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các quy trình canh tác tiên tiến phù hợp theo hướng GAP (tươi tiết)	Quy trình công nghệ sản xuất lúa tiên tiến, phù hợp theo hướng GAP, giảm chi phí sản xuất và giảm phát thải khí nhà	Tổ chức KHCN trưng tuyển	Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật	2014-2016

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	kiệm, tiêu nước, bón phân, phòng trừ dịch hại...) phục vụ sản xuất đồng thời giảm chi phí sản xuất, giảm phát thải khí nhà kính, đảm bảo an toàn thực phẩm	kính cho các vùng trồng lúa trọng điểm			
1.4	Nghiên cứu tích hợp một số tính trạng chính (kháng sâu, bệnh, chống chịu với điều kiện bất thuận với môi trường...) trên nền các giống lúa chủ lực đang phổ biến trong sản xuất để tăng năng suất, chất lượng, tính thích ứng rộng và tính bền vững	Giống lúa cải tiến mang đồng thời một số tính trạng ưu việt như: năng suất, chất lượng, thơm, kháng sâu, bệnh, chống chịu với điều kiện bất thuận với môi trường.	Tổ chức KHCN trùng tuyến	Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật	2015-2018
1.5	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa mới phục vụ phát triển sản phẩm lúa gạo Việt Nam chất lượng cao, năng suất cao, giá trị thương mại cao	Giống lúa mới ngắn ngày (dưới 110 ngày ở phía Bắc và dưới 100 ngày ở phía Nam), có năng suất cao (tối thiểu 7,0/ha tấn trong vụ xuân và 6,0/ha tấn trong vụ mùa); Giống lúa thơm ngắn ngày (dưới 110 ngày ở phía Bắc và dưới 100 ngày ở phía Nam), có năng suất cao (tối thiểu 6,5 tấn/ha trong vụ xuân và 6,0 tấn /ha trong vụ mùa)	Tổ chức KHCN trùng tuyến	Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật	2015-2020
<b>2</b>	<b>Cây ngô</b>				
2.1	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô lai mới và hoàn thiện quy trình kỹ	Giống ngô lai năng suất 11-12 tấn/ha chống chịu sâu, bệnh khá, thích ứng rộng	Tổ chức KHCN	Cục Trồng trọt, Cục Bảo	2015-2017

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	thuật tiên tiến thâm canh ngô tổng hợp (giống, dinh dưỡng đất, chế độ bón phân, quản lý dịch hại, cỏ dại...) để tăng năng suất, giảm giá thành phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng	với các điều kiện sinh thái; Quy trình kỹ thuật thâm canh ngô đạt năng suất và hiệu quả cao	trúng tuyển	vệ thực vật	
2.2	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô ngắn ngày, mật độ trồng cao, cho sinh khối cây xanh lớn, giàu dinh dưỡng phục vụ làm thức ăn chăn nuôi gia súc	Giống ngô mới cho năng suất sinh khối cây xanh lớn, giàu dinh dưỡng làm thức ăn chăn nuôi gia súc	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi	2015-2018
2.3	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống ngô năng suất cao, chống chịu, kháng sâu, bệnh phục vụ sản xuất	Giống ngô lai năng suất 11-12 tấn/ha, kháng sâu bệnh và thích ứng rộng với các vùng trồng ngô trọng điểm	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật	2015-2019
<b>3 Cây cà phê</b>					
3.1	Nghiên cứu xây dựng bản đồ hiện trạng tái canh cà phê và xác định nguyên nhân gây chết cà phê tái canh	Xác định được hiện trạng tái canh cà phê và nguyên nhân chính gây chết cà phê tái canh tại các vùng trồng cà phê trọng điểm	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Cục Trồng trọt	2014-2015
3.2	Nghiên cứu xây dựng quy trình tái canh cà phê thành công, phù hợp với từng vùng cà phê trọng điểm	Quy trình kỹ thuật tái canh cà phê bền vững phù hợp với từng vùng trồng cà phê trọng điểm	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Cục Trồng trọt	2014-2016

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
3.3	Nghiên cứu xây dựng quy trình tiên tiến, tổng hợp thâm canh cây cà phê phù hợp theo hướng GAP (giống, dinh dưỡng, tưới tiết kiệm, quản lý dịch hại...) phục vụ tăng hiệu quả kinh tế và tính bền vững	Quy trình thâm canh tổng hợp cây cà phê phù hợp theo hướng GAP, mang lại hiệu quả cao, đảm bảo an toàn phục vụ xuất khẩu	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật	2015-2017
<b>4. Cây Điều</b>					
4.1	Nghiên cứu tuyển chọn, nhân nhanh các dòng điều cao sản phù hợp với các vùng sinh thái, cho năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ xuất khẩu	Giống điều năng suất, chất lượng phục vụ xuất khẩu; Quy trình nhân giống vô tính dòng điều cao sản chất lượng phục vụ thâm canh điều bền vững	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Cục Trồng trọt	2014-2015
4.2	Nghiên cứu xây dựng quy trình thâm canh điều tổng hợp (giống, dinh dưỡng, tưới tiết kiệm, quản lý dịch hại...) đạt năng suất cao chất lượng tốt phục vụ xuất khẩu	Quy trình thâm canh cây điều tổng hợp tăng năng suất, chất lượng điều	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Cục Trồng trọt	2014-2017
<b>5. Cây ăn quả</b>					
5.1	Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác tổng hợp cây thanh long (giống, mật độ trồng, tưới tiết kiệm, bón phân, quản lý phòng trừ dịch hại...)	Quy trình kỹ thuật canh tác tổng hợp cây thanh long cho năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ xuất khẩu	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật	2014-2016
5.2	Nghiên cứu chọn tạo và phát triển	Giống thanh long mới năng suất, chất	Viện Khoa	Cục Trồng trọt	2015-



TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	giống thanh long phục vụ xuất khẩu tại các tỉnh phía Nam	lượng cao phục vụ xuất khẩu	học Nông nghiệp Việt Nam		2020
5.3	Nghiên cứu chọn tạo và xây dựng quy trình canh tác tổng hợp, phù hợp theo hướng GAP đối với một số cây ăn quả chủ lực xuất khẩu (nhãn, vải, xoài, vú sữa, chuối) đảm bảo an toàn thực phẩm	Giống cây ăn quả mới năng suất, chất lượng phục vụ xuất khẩu; Quy trình canh tác tổng hợp, phù hợp theo hướng GAP đối với một số cây ăn quả chủ lực xuất khẩu đáp ứng an toàn thực phẩm	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Cục Trồng trọt	2015-2017
<b>6</b>	<b>Cây rau</b>				
6.1	Nghiên cứu xây dựng quy trình canh tác tổng hợp đối với một số loại rau phù hợp theo hướng GAP (giống, dinh dưỡng, quản lý phòng trừ sâu bệnh...), phục vụ vùng sản xuất rau an toàn	Quy trình canh tác tổng hợp theo hướng GAP, đảm bảo an toàn thực phẩm	Tổ chức KHCN trưng tuyến	Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật	2015-2017
<b>7</b>	<b>Cây chè</b>				
7.1	Nghiên cứu xây dựng quy trình thâm canh chè tổng hợp, phù hợp theo GAP (giống, dinh dưỡng, tưới tiết kiệm, quản lý dịch hại...), đạt năng suất cao, chất lượng tốt và an toàn thực phẩm phục vụ xuất khẩu	Quy trình thâm canh chè tổng hợp đạt năng suất, chất lượng phục vụ xuất khẩu	Tổ chức KHCN trưng tuyến	Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật	2015-2017
7.2	Nghiên cứu chọn tạo giống chè	- 2-3 giống chè mới được công nhận có	Tổ chức	Cục Trồng trọt	2014-

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	môi nâng suất cao, chất lượng tốt bằng phương pháp gây đột biến nhân tạo kết hợp lai hữu tính	năng suất cao (tuổi 3 đạt 4 - 5 tấn búp/ha), đủ tiêu chuẩn chất lượng chế biến chè xanh, chè đen, chè ôlong; - Quy trình kỹ thuật canh tác cho các giống chè mới	KHCN trúng tuyển		2018
<b>8</b>	<b>Cây mía</b>				
8.1	Nghiên cứu chọn tạo giống và quy trình thâm canh mía tổng hợp phù hợp theo GAP (giống, dinh dưỡng, tưới tiết kiệm, quản lý phòng trừ dịch bệnh...), đạt năng suất cao, hàm lượng đường cao.	Quy trình thâm canh mía tổng hợp đạt năng suất cao, chất lượng tốt và an toàn thực phẩm	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Cục Trồng trọt, Cục bảo vệ thực vật	2015- 2017
<b>9</b>	<b>Cây sắn</b>				
9.1	Nghiên cứu chọn tạo giống và quy trình canh tác sắn bền vững với môi trường năng suất cao phục vụ sản xuất nhiên liệu sinh học	Quy trình canh tác sắn bền vững với môi trường	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Cục Trồng trọt	2015- 2017
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y</b>				
<b>1</b>	<b>Chăn nuôi</b>				
1.1	Nghiên cứu chọn lọc, lai tạo, nhân nhanh các dòng, giống lợn ngoại có năng suất, chất lượng cao; tạo dòng đực cuối cùng phục vụ phát triển chăn nuôi	Lai tạo được 3-5 tổ hợp lai phù hợp với điều kiện chăn nuôi nông hộ và trang trại ở Việt Nam; Lai tạo được 3-5 dòng đực cuối cùng phục vụ phát triển chăn nuôi	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Cục Chăn nuôi	2015- 2019

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
1.2	Nghiên cứu chọn lọc nâng cao khả năng sinh trưởng và cải thiện tầm vóc của đàn lợn nội	Nâng cao khả năng sinh trưởng và cải thiện tầm vóc của đàn lợn nội lên 20%	Tổ chức KHCN trưng tuyển	Cục Chăn nuôi	2015-2017
1.3	Nghiên cứu chọn tạo các dòng, tổ hợp lai gà lông màu chuyên thịt, chuyên trứng, phục vụ phát triển chăn nuôi cho từng vùng sinh thái	4-6 dòng gà lông màu chuyên thịt, chuyên trứng có năng suất, chất lượng cao hơn hiện tại 10-20% phục vụ chăn nuôi nông hộ và trang trại.	Tổ chức KHCN trưng tuyển	Cục Chăn nuôi	2015-2019
1.4	Nghiên cứu chọn lọc, lai tạo dòng ngan năng suất, chất lượng cao	2-3 dòng ngan năng suất, chất lượng cao hơn hiện tại 15-20% phục vụ chăn nuôi nông hộ	Tổ chức KHCN trưng tuyển	Cục Chăn nuôi	2015-2017
1.5	Nghiên cứu chọn lọc, lai tạo dòng vịt chuyên thịt có năng suất thịt cao phục vụ chăn nuôi trang trại	02 dòng vịt chuyên thịt có năng suất, chất lượng thịt cao hơn hiện tại 10-20% phục vụ chăn nuôi trang trại	Tổ chức KHCN trưng tuyển	Cục Chăn nuôi	2015-2019
1.6	Nghiên cứu chọn lọc, nhân thuần và lai tạo để nâng cao năng suất, chất lượng một số vật nuôi khác có lợi thế của mỗi vùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao khả năng sản xuất và hiệu quả kinh tế của một số giống bò thịt thuần và con lai tại Việt Nam lên 20%;</li> <li>- Tăng khối lượng và khả năng sinh sản của trâu ở một số tỉnh trung du miền núi phía Bắc lên 10-20%.</li> <li>- Nâng cao năng suất, chất lượng mật ong đáp ứng yêu cầu xuất khẩu</li> </ul>	Tổ chức KHCN trưng tuyển	Cục Chăn nuôi	2015-2018
1.7	Nghiên cứu về dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	- Tài bản có bổ sung sách thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của thức ăn gia súc, gia cầm Việt Nam;	Viện Chăn nuôi	Cục Chăn nuôi	2015-2017

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
		- Tiêu chuẩn, khẩu phần ăn thích hợp cho bò đực giống hướng thịt; - Nguồn thức ăn mới cho bò sữa, bò thịt.			
<b>2 Thú y</b>					
2.1	Nghiên cứu phát triển vắc xin đa giá, vắc xin thế hệ mới; cải tiến một số vắc xin phục vụ công tác phòng bệnh cho gia súc, gia cầm, thủy sản đối với một số bệnh nguy hiểm thường gặp.	Vắc xin Cúm gia cầm; vắc xin Hội chứng hồ hấp và sinh sản ở lợn; vắc xin Lở mồm long móng, vắc xin thế hệ mới vắc xin đa giá; chế phẩm mới có chất lượng cao	Tổ chức KHCN trung tuyến	Cục Thú y	2015-2017
2.3	Nghiên cứu về an toàn sinh học và các biện pháp phòng, chống bệnh ở động vật trong các loại hình chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	Các quy trình về an toàn sinh học; phòng trừ dịch bệnh, ATTP.	Tổ chức KHCN trung tuyến	Cục Thú y	2015-2018
<b>III Lĩnh vực Thủy sản</b>					
<b>1 Nuôi tôm nước lợ (tôm sú và tôm thẻ chân trắng)</b>					
1.1	Chọn tạo tôm giống bố mẹ chất lượng và qui trình kỹ thuật sản xuất giống tôm sú và tôm thẻ chân trắng	Tôm giống bố mẹ chất lượng tăng trưởng nhanh, sạch bệnh; Qui trình công nghệ sản xuất tôm giống chất lượng, sạch bệnh	Viện NC NTTS I, II	Tổng cục Thủy sản	2013-2016
1.2	Nghiên cứu dinh dưỡng và thức ăn phục vụ sản xuất giống tôm thẻ chân trắng, tôm sú	Chủng loại và phương pháp cho ăn phù hợp cho từng giai đoạn: nuôi vỗ, ương giống tôm thẻ chân trắng và tôm sú	Viện NC NTTS I, III và các tổ chức	Tổng cục Thủy sản	2013-2016

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
			KHCN khác trúng tuyển		
1.3	Nghiên cứu xác định nguyên nhân và biện pháp phòng trừ bệnh trên tôm	Quy trình chẩn đoán, biện pháp phòng ngừa và phác đồ điều trị bệnh đốm trắng, EMS	Viện NC NTTS II	Cục Thú y, Tổng cục Thủy sản,	2012-2016
1.4	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ tiên tiến nuôi tôm thẻ chân trắng quy mô công nghiệp	Quy trình công nghệ tiên tiến nuôi tôm thẻ chân trắng quy mô công nghiệp	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Tổng cục Thủy sản	2014-2018
<b>2</b>	<b>Nuôi cá tra</b>				
2.1	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ nâng cao tỷ lệ sống của cá tra	Quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá tra đạt tỷ lệ sống 40-45%	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Tổng cục Thủy sản	2013-2016
2.2	Áp dụng công nghệ cải tiến nuôi cá tra giảm phát thải, ô nhiễm môi trường từ ao nuôi cá tra truyền thống	Quy trình công nghệ (chế độ, loại thức ăn, phương pháp cho ăn...) và hệ thống thiết bị nuôi cá tra trong hệ thống tuần hoàn, ít thay nước	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Tổng cục Thủy sản	2014-2016
<b>3</b>	<b>Nuôi nhuyễn thể (nghêu, tu hài)</b>				
3.1	Tạo nguồn giống nghêu cho miền Bắc	- Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống nghêu; - Quy trình kỹ thuật vận chuyển nghêu giống tỷ lệ hao hụt <3% trong 5 ngày.	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Tổng cục Thủy sản	2015-2016
3.2	Nghiên cứu nguyên nhân gây bệnh	Tác nhân và nguyên nhân chính gây chết	Viện NC	Cục Thú y,	2012-

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	và biện pháp phòng trừ bệnh trên nghêu và tu hải	nghêu và giải pháp phòng trị bệnh	NTTS I, II, III	Tổng cục Thủy sản	2016
<b>4 Sản xuất giống cá rô phi</b>					
4.1	Chọn tạo đàn cá rô phi bố mẹ, quy trình nhân giống cá rô phi phục vụ nuôi thương phẩm quy mô công nghiệp	Các đàn cá rô phi bố mẹ tăng trưởng nhanh trong điều kiện nhiệt độ thấp, độ mặn cao. Cung cấp đủ giống cá rô phi phục vụ sản xuất	Viện NC NTTS I, II; Các tổ chức KH&CN trúng tuyển	Tổng cục Thủy sản	2013-2016
<b>5 Nuôi tôm hùm an toàn dịch bệnh</b>					
5.1	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ nuôi tôm hùm thương phẩm sạch bệnh, quy mô công nghiệp	Quy trình công nghệ nuôi, chẩn đoán và phòng trừ bệnh hiệu quả	Tổ chức KH&CN trúng tuyển	Cục Thú y, Tổng cục Thủy sản.	2015-2016
<b>6 Phát triển khai thác hải sản</b>					
6.1	Cải tiến hệ thống thiết bị và phương pháp bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu cá xa bờ	Hệ thống thiết bị và quy trình vận hành hệ thống làm lạnh nhanh, bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu khai thác cá ngừ đại dương	Tổ chức KH&CN trúng tuyển	Tổng cục Thủy sản	2013-2016
<b>IV Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>					
<b>1 Phát triển rừng trồng cung cấp gỗ lớn sản xuất gỗ phục vụ sản xuất đồ gỗ xuất khẩu</b>					
1.1	Nghiên cứu chọn tạo giống và xây dựng gói kỹ thuật tối ưu về chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng	Giống mới và Quy trình kỹ thuật trồng hợp rừng trồng cung cấp gỗ lớn cho từng nhóm cây trồng ở các lập địa khác nhau	Tổ chức KH&CN trúng tuyển	Tổng cục Lâm nghiệp	2014-2018

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	cung cấp gỗ lớn, trồng lại rừng sau khai thác, trồng rừng mới theo hướng thâm canh phục vụ sản xuất gỗ lớn	(Giống TBKT, lập địa, Kỹ thuật trồng rừng thâm canh và quản lý bền vững rừng trồng...). Mô hình sản xuất thử nghiệm, mô hình chuyển giao giống và TBKT vào sản xuất đạt hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 20%.			
1.2	Nghiên cứu đề xuất một số chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển rừng trồng cung cấp gỗ lớn	Cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển rừng trồng cung cấp gỗ lớn (Thuê đất; Gói tín dụng hỗ trợ; Sử dụng vốn vay ODA, Thị trường...)	Tổng cục Lâm nghiệp/Tổ chức KHCN Trùng tuyên.	Tổng cục Lâm nghiệp	2014-2015
<b>2</b>	<b>Phát triển một số loài lâm sản ngoài gỗ chủ yếu làm đồ thủ công mỹ nghệ và một số loài cây dược liệu truyền thống phục vụ xuất khẩu.</b>				
2.1	Nghiên cứu chọn giống và xây dựng gói kỹ thuật tối ưu về kỹ thuật trồng thâm canh, chế biến, bảo quản và sử dụng hiệu quả LSNG	Giống và Quy trình kỹ thuật tổng hợp trồng thâm canh, chế biến, bảo quản và sử dụng hiệu quả một số loài LSNG: Mây nếp, Song Mặt, Luồng, Quế, Hồi, Thảo Quả.... (Giống, lập địa, kỹ thuật trồng thâm canh, công nghệ sau thu hoạch...)	Tổ chức KHCN trùng tuyên	Tổng cục Lâm nghiệp	2014-2018
2.2	Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách phù hợp để phát triển bền vững lâm sản ngoài gỗ	Cơ chế chính sách phát triển bền vững một số loài lâm sản ngoài gỗ chủ yếu (Mây nếp, Song Mặt, Luồng, Quế, Hồi,	Tổng cục Lâm nghiệp/Tổ	Tổng cục Lâm nghiệp	2014-2015

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
		Thảo Quả...)	chức KHCN Trưng tuyên.		
<b>3</b>	<b>Nâng cao giá trị gia tăng trong chế biến lâm sản bằng các nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước</b>				
3.1	Nghiên cứu lựa chọn và xây dựng gói kỹ thuật, công nghệ chế biến sâu, tiên tiến, giá thành phù hợp cho từng đối tượng bằng các nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước	Quy trình công nghệ chế biến sâu, hiện đại, giá thành phù hợp cho gỗ đồ mộc và gỗ xây dựng từ nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước phục vụ nội tiêu và xuất khẩu. Mô hình sản xuất thử nghiệm và mô hình chuyển giao TBKT vào sản xuất đạt hiệu quả kinh doanh tối thiểu 25%	Tổ chức KHCN trưng tuyên	Tổng cục Lâm nghiệp	2014-2016
3.2	Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển công nghiệp chế biến gỗ đồ mộc và gỗ xây dựng	Cơ chế chính sách phát triển công nghiệp chế biến gỗ đồ mộc và gỗ xây dựng (Thuế; tín dụng hỗ trợ; Sử dụng vốn vay ODA, Thị trường, Nhập khẩu công nghệ,....)	Tổng cục Lâm nghiệp/Tổ chức KHCN Trưng tuyên.	Tổng cục Lâm nghiệp	2014-2015
<b>V</b>	<b>Thủy lợi</b>				
<b>1</b>	<b>Nâng cao hiệu quả tưới, tiêu và quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi</b>				
1.1	Nghiên cứu kỹ thuật tưới và chế độ tưới bằng các giải pháp tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm cho một số	Quy trình công nghệ, kỹ thuật và chế độ tưới bằng các giải pháp tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm cho một số cây trồng chủ	Viện KHTLVN, Tổ chức	Tổng cục Thủy lợi	2014-2015



TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	cây trồng chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả	lục: cà phê, điều, chè, mía, hồ tiêu, cây ăn quả, rau, hoa	KHCN trùng tuyển		
1.2	Nghiên cứu ứng dụng các tiết bộ kỹ thuật, hướng dẫn thiết kế phục vụ hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng; nghiên cứu chuyển giao công nghệ chế tạo các cấu kiện, thiết bị cho xây dựng, gắn với xây dựng giao thông nội đồng để áp dụng phương thức canh tác nông nghiệp tiên tiến; nghiên cứu hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch tái cơ cấu của từng vùng, từng hệ thống.	- Giải pháp và ứng dụng các tiết bộ kỹ thuật cấp nước, tiêu nước phù hợp với các mô hình nuôi hiện đại, tiết kiệm nước, đảm bảo môi trường sinh thái; chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp từng vùng, từng hệ thống. - Mô hình trình diễn; - Sổ tay hướng dẫn thiết kế phục vụ hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng, giao thông nội đồng để áp dụng phương thức canh tác nông nghiệp tiên tiến.	Tổ chức KHCN trùng tuyển	Tổng cục Thủy lợi & Cục Quản lý xây dựng công trình	2014- 2016
1.3	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, chế tạo thiết bị phục vụ giám sát cấp, tiêu và môi trường nước; công nghệ thông tin phục vụ quản lý vận hành hệ thống thủy lợi	Giải pháp và công nghệ giám sát cấp, tiêu và môi trường nước; công nghệ thông tin, công nghệ ảnh vệ tinh phục vụ quản lý vận hành hệ thống công trình	Viện KHITL VN và Tổ chức KHCN trùng tuyển	Tổng cục Thủy lợi & Cục Quản lý xây dựng công trình	2014- 2016
<b>2</b>	<b>Đảm bảo an toàn đê, đập, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu</b>				
2.1	Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến nâng cao năng lực dự báo trong phòng chống thiên	Lựa chọn và áp dụng các công nghệ tiên tiến, như: công nghệ ảnh vệ tinh, công nghệ không gian, công nghệ thông tin	Tổ chức KHCN trùng tuyển	Tổng cục Thủy lợi	2014- 2016

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	tai, đảm bảo an toàn đê, đập và phòng tránh lũ cho hạ lưu	nâng cao năng lực dự báo trong phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn đê, đập và phòng tránh lũ cho hạ lưu			
2.2	Nghiên cứu công nghệ, tích hợp và chế tạo thiết bị trong dự báo, cảnh báo mưa, lũ, sạt lở, mặn và hạn; chế độ thủy văn, dòng chảy để nâng cao chất lượng quy trình vận hành hồ chứa, vận hành các hồ trong tình huống khẩn cấp	Chế tạo, tích hợp thiết bị và công nghệ trong dự báo, cảnh báo mưa, lũ, sạt lở, mặn và hạn; chế độ thủy văn, dòng chảy để nâng cao chất lượng quy trình vận hành hồ chứa, vận hành các hồ trong tình huống khẩn cấp	Tổ chức KHCN trung tuyến	Tổng cục Thủy lợi	2014-2016
2.3	Nghiên cứu quản lý lũ, hạn tổng hợp theo các lưu vực sông, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm cho các lưu vực; nghiên cứu đánh giá, dự báo tác động của BĐKH đến nguồn nước, hệ thống thủy lợi, sản xuất Nông nghiệp và giải pháp thích ứng, giảm thiểu	- Khung quản lý lũ, hạn tổng hợp theo các lưu vực sông, và hệ thống cảnh báo sớm và điều hành hệ thống cho các lưu vực; - Đánh giá, dự báo tác động của BĐKH đến nguồn nước, hệ thống thủy lợi, sản xuất Nông nghiệp và giải pháp thích ứng, giảm thiểu	Viện Khoa học Thủy lợi VN và Tổ chức KHCN trung tuyến	Tổng cục Thủy lợi & Cục Quản lý xây dựng công trình	2014-2016
2.4	Nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá và giải pháp đảm bảo an toàn hồ chứa, đập, đê sông, đê biển và công trình phòng tránh giảm nhẹ thiên tai	Bộ chỉ tiêu và phương pháp đánh giá và giải pháp đảm bảo an toàn hồ chứa, đập, đê sông, đê biển và công trình phòng tránh giảm nhẹ thiên tai Giải pháp đảm bảo an toàn hồ chứa (vừa và nhỏ), đập, đê sông, đê biển và công trình phòng tránh giảm nhẹ thiên tai	Trường Đại học Thủy lợi và Tổ chức KHCN trung tuyến	Tổng cục Thủy lợi & Cục Quản lý xây dựng công trình	2014-2016

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
2.5	Nghiên cứu kết cấu, vật liệu, công nghệ thi công, quy trình vận hành, mức đảm bảo an toàn của công trình ngăn sông, công trình ngăn sông lớn. Tăng cường nghiên cứu động lực học sóng biển, chính trị sóng, bảo vệ bờ	Kết cấu, vật liệu, công nghệ thi công, quy trình vận hành, mức đảm bảo an toàn của công trình ngăn sông, công trình ngăn sông lớn. Giải pháp chính trị sóng, bảo vệ bờ.	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Tổng cục Thủy lợi & Cục Quản lý xây dựng công trình	2014-2016
<b>3</b>	<b>Khoa học công nghệ thủy lợi phục vụ thủy sản</b>				
3.1	Nghiên cứu các giải pháp, hạ tầng thủy lợi, công nghệ chủ động lấy nước, bảo vệ môi trường phục vụ nuôi trồng thủy hải sản khu vực ven biển các vùng trọng điểm	Giải pháp chủ động lấy nước (mặn, ngọt), tiết kiệm nước, có xử lý nước thải; hạ tầng thủy lợi nội đồng phục vụ nuôi trồng thủy hải sản (cá da trơn, tôm nước lợ) ba vùng Bắc, Trung, Nam	Tổ chức KHCN trúng tuyển	Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Thủy sản & Cục Quản lý xây dựng công trình	2014-2016
<b>VI</b>	<b>Kinh tế, Chính sách và quản lý</b>				
1	Nghiên cứu xác định yếu tố tác động đến tăng trưởng và biện pháp phục hồi tăng trưởng nông nghiệp	Biện pháp phục hồi tăng trưởng	Viện Chiến lược và CS NNPTNT	Vụ Kế hoạch	2014
2	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách phát triển thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá; bảo vệ và nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và diêm nghiệp phù hợp với các cam	Chính sách phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản và diêm nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh và phù hợp với các cam kết quốc tế	Các đơn vị KHCN trúng tuyển	Các Cục, Vụ có liên quan.	2015-2017

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
	kết quốc tế				
3	Nghiên cứu đề xuất bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản và diêm nghiệp	Chính sách thúc đẩy phát triển các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản và diêm nghiệp (cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, sản phẩm và công nghệ mới; ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, bảo hiểm sản xuất nông nghiệp, vv...)	Các đơn vị KHCN trong và ngoài Bộ	Các Cục, Vụ có liên quan.	2015-2018
4	Nghiên cứu xây dựng chính sách để đảm bảo phân chia lợi ích phù hợp trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị	Chính sách phù hợp về phân chia lợi ích trong sản xuất nông nghiệp	Viện Chính sách và CL NNPTNT	Cục KTHH	2014
5	Nghiên cứu xây dựng chính sách tổ chức lại sản xuất theo mô hình liên kết và hợp tác trong nông nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp liên kết với nông dân theo chuỗi giá trị và phát triển bền vững	Chính sách hỗ trợ, thúc đẩy mô hình liên kết doanh nghiệp và nông dân theo chuỗi giá trị	Tổ chức KH&CN trưng tuyến	Cục KTHH	2014-2017
<b>VII Cơ điện và Công nghệ sau thu hoạch</b>					
<b>1 Cơ giới hoá nông nghiệp</b>					
1.1	Nghiên cứu, hoàn thiện thiết kế, công nghệ chế tạo máy và thiết bị để phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa, ngô, mía.	Công nghệ và thiết bị phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa, ngô, mía	Tổ chức KHCN trưng tuyến	Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối,	2014-2017

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
				Cục trồng trọt	
1.2	Nghiên cứu phát triển kỹ thuật điện và tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp	Thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng cho cây thanh long; thiết bị làm khô nông sản bằng vi sóng; thiết bị thanh trùng bằng điện trường cao áp; thiết bị tự động hóa để bao gói nông sản	Tổ chức KH&CN trung tuyến	Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối	2014-2017
1.3	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và thiết bị thích ứng với BĐKH tại vùng sản xuất muối phơi cát ở miền Bắc và vùng sản xuất muối phơi nước phân tán ở miền Nam	- Quy trình sản xuất muối sạch theo công nghệ phơi cát và phơi nước; - Vật liệu mới làm ổ kết tinh; - Mô hình áp dụng kết quả nghiên cứu; - Nâng cao năng suất, chất lượng muối trên 20%, giảm cường độ lao động thủ công và tăng giá trị gia tăng sản phẩm muối trên 20%.	Tổ chức KH&CN trung tuyến	Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối	2014-2017
1.4	Nghiên cứu phát triển công nghệ và hệ thống thiết bị chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Công nghệ và hệ thống thiết bị chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Tổ chức KH&CN trung tuyến	Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối; Cục Chăn nuôi; Tổng cục Thủy sản	2014-2017

TT	Nhiệm vụ trọng tâm	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp quản lý	Thời gian thực hiện
1.5	Nghiên cứu phát triển công nghệ và thiết bị xử lý phế phụ phẩm nông và thủy sản để tạo ra thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và phân bón	Công nghệ và thiết bị xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và phân bón	Tổ chức nghiên cứu triển khai trưng tuyến	Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối; Cục Chăn nuôi; Tổng cục Thủy sản	2014-2017
<b>2</b>	<b>Công nghệ bảo quản nông sản</b>				
2.1	Nghiên cứu phát triển các giải pháp công nghệ cận và sau thu hoạch nhằm cải thiện chất lượng đáp ứng chuỗi cung ứng trong nước và xuất khẩu đối với một số quả đặc sản	Giải pháp công nghệ cận và sau thu hoạch nhằm cải thiện chất lượng đáp ứng chuỗi cung ứng trong nước và xuất khẩu đối với vải, nhãn, măng cụt, chôm chôm	Tổ chức nghiên cứu triển khai trưng tuyến	Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối	2014-2017
2.2	Nghiên cứu phát triển công nghệ và thiết bị sơ chế, bảo quản nông sản	Công nghệ và thiết bị sơ chế, bảo quản thanh long, xoài vải, nhãn, chôm chôm, măng cụt	Tổ chức nghiên cứu triển khai trưng tuyến	Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối	2014-2017
2.3	Nghiên cứu và phát triển công nghệ, thiết bị chế biến sâu các sản phẩm nông sản	Công nghệ, thiết bị chế biến sâu nông sản phục vụ đa dạng hoá sản phẩm	Tổ chức nghiên cứu triển khai trưng tuyến	Cục Chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối	2014-2017

Phụ lục 2

**NHIỆM VỤ TRỒNG TRỌNG VÀ KHUYẾN NÔNG PHỤC VỤ TÁI CƠ CẤU NGÀNH THEO HƯỚNG  
TĂNG GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

(Kèm theo Quyết định N-KHCN ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
<b>1 Trồng trọt, Bảo vệ thực vật</b>				
<b>1 Cây lúa</b>				
1.1	Phát triển hạt giống lúa lai F1, giống lúa thuần năng suất chất lượng cao; Thâm canh tổng hợp lúa; Luân canh khép kín, phục vụ chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất hạt giống lúa lai F1, giống lúa thuần có phẩm cấp, năng suất chất lượng cao, năng cao hiệu quả sản xuất và có khả năng tranh;</li> <li>- Xây dựng các mô hình sản xuất áp dụng đồng bộ các TBKT trong thâm canh tổng hợp lúa đạt năng suất cao, có khả năng mở rộng ra sản xuất đại trà;</li> <li>- Ứng dụng đồng bộ các TBKT, công nghệ sau thu hoạch mới và mô hình liên kết sản xuất nhằm nâng cao thu nhập, giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, hình thành mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong vùng chuyển đổi.</li> </ul>	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>2 Cây ngô</b>				
2.1	Quy trình thâm canh tổng hợp ngô cho năng suất chất lượng; Phát triển và chuyển giao các giống ngô mới	Phát triển diện tích và phát triển ổn định, bền vững. Liên kết nông dân và doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm ngô phục vụ chế biến thức ăn chăn nuôi.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	ứng dụng công nghệ sinh học cho năng suất chất lượng cao và chống chịu sâu bệnh			
<b>3 Cây cà phê</b>				
3.1	Tập trung phát triển diện tích tái canh, thâm canh tổng hợp cà phê	- Góp phần ổn định, hiệu quả và bền vững trong sản xuất cà phê; - Phát triển sản lượng cà phê được chứng nhận cao hơn hiện nay.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>4 Cây điều</b>				
4.1	Phát triển diện tích điều giống mới, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh tổng hợp; cải tạo, thâm canh diện tích điều già cỗi tại các vùng trồng điều trọng điểm	- Phát triển mô hình trồng điều giống mới; - Nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>5 Cây chè</b>				
5.1	Phát triển các giống chè mới năng suất cao, chất lượng tốt tại các vùng trồng chè trọng điểm	- Phát triển mô hình trồng chè giống mới, thâm canh theo hướng VietGap; - Nâng cao năng suất và tỷ lệ cây sống trong sản xuất chè.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>6 Cây ăn quả</b>				
6.1	Phát triển thanh long theo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; Thâm canh kết hợp rải vụ một số	- Phát triển và ứng dụng kỹ thuật rải vụ nâng cao giá trị gia tăng với cây ăn quả; - Sản phẩm theo hướng VietGap có hiệu quả kinh tế	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017



TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	cây quả	cao; - Liên kết tiêu thụ sản phẩm bền vững.		
<b>7</b>	<b>Cây rau</b>			
7.1	Phát triển sản xuất một số giống rau chủ lực theo chuỗi giá trị phục vụ các đô thị lớn	- Sản xuất rau an toàn phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại các đô thị lớn; - Xây dựng mối liên kết trong sản xuất và tiêu thụ.		
<b>II</b>	<b>Chăn nuôi, Thú y</b>			
1	Phát triển các giống gà lông màu được công nhận, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh đưa vào sản xuất chăn nuôi	- Nhân rộng và nâng cao tỷ lệ các giống gà lông màu được công nhận trong chăn nuôi nông hộ, trang trại; - Bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, năng cao hiệu quả trong chăn nuôi.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
2	Phát triển các giống vịt được công nhận kết hợp an toàn dịch bệnh tại vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long	- Nhân rộng và nâng cao tỷ lệ các giống vịt được công nhận trong chăn nuôi nông hộ, trang trại; - Bảo đảm an toàn dịch bệnh, năng cao hiệu quả trong chăn nuôi.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
3	Chăn nuôi lợn sinh sản hướng nạc áp dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo cải tạo chất lượng con giống, nâng cao tỷ lệ nuôi sống giảm thiểu tỷ lệ chết của lợn con sơ sinh và sau cai sữa	- Chủ động con giống có chất lượng cung cấp cho người chăn nuôi; - Giảm tỷ lệ chết của lợn con sơ sinh và sau cai sữa; - Tăng tỷ lệ nuôi sống lợn con sau cai sữa; - Nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
4	Phát triển chăn nuôi gia súc (bò, trâu), áp dụng kỹ thuật thụ tinh	- Xây dựng được vùng chăn nuôi gia súc lấy thịt có năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ	2014-2017

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	nhân tạo, nâng cao tầm vóc, chất lượng thịt trong chăn nuôi	thực phẩm phục vụ người tiêu dùng; - Xây dựng vùng chăn nuôi bò cái sinh sản áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo nhằm tăng tỷ lệ Zebu hóa đàn bò tại các vùng chăn nuôi phát triển; - Xây dựng vùng chăn nuôi trâu áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo tại các địa phương có đàn trâu phát triển nhằm cải tạo, nâng cao tầm vóc phục vụ nhu cầu trong sản xuất nông nghiệp.	và ngoài Bộ	
5	Mô hình bảo vệ vật nuôi kết hợp thú y cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh	- Xây dựng được vùng chăn nuôi an toàn; - Hạn chế dịch bệnh, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2014-2017
<b>(II) Thủy sản</b>				
<b>1 Tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng)</b>				
1.1	Phát triển sản xuất giống tôm sú, tôm thẻ chân trắng năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh	- Chủ động con giống có chất lượng, năng suất cao cho vùng nuôi; - Hạn chế lây lan dịch bệnh.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
1.2	Nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ tuần hoàn ít thay nước	- Nâng cao năng suất nuôi; - Hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu tác động môi trường.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>2 Cá Rô phi</b>				
2.1	Phát triển nuôi thâm canh cá Rô phi ứng dụng công nghệ tuần hoàn ít	- Nâng cao năng suất nuôi; - Hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu tác động môi trường.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ	2015-2017

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	thay nước		và ngoài Bộ	
2.2	Phát triển nuôi thâm canh cá rô phi theo hướng VietGAP	- Sản phẩm nuôi đạt chất lượng cao; - Hạn chế dịch bệnh; - Ổn định môi trường nuôi.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>3</b>	<b>Nhuận thể</b>			
3.1	Phát triển sản xuất giống và kỹ thuật nuôi nhuyễn thể đáp ứng nhu cầu sản xuất	Chủ động con giống có chất lượng cao cho vùng nuôi, tạo sản phẩm đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>4</b>	<b>Khai thác hải sản xa bờ</b>			
4.1	Hiện đại hóa tàu cá gắn với xây dựng tổ đội khai thác xa bờ và đội tàu dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển	- Nâng cao khả năng đánh bắt xa bờ; - Nâng cao hiệu quả khai thác, giảm tổn thất sau thu hoạch; - Hình thành được các tổ đội liên kết trên biển.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>IV</b>	<b>Lâm nghiệp</b>			
1	Trồng và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng trồng gỗ lớn.	- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng và chuyển hóa rừng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn bằng giống keo và bạch đàn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng và đảm bảo thu nhập cho người dân; - Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tía thưa, nuôi dưỡng rừng gỗ nhỏ thành rừng trồng gỗ lớn.	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
2	Trồng rừng cung cấp gỗ lớn bằng các loài cây mọc nhanh (keo, bạch đàn) phục vụ chế biến gỗ, ưu tiên	- Chuyển giao các giống và tiến bộ kỹ thuật mới được công nhận nhằm phát triển sản xuất gỗ lớn; - Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ	2015-2017

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
	trên các diện tích rừng đã khai thác	trồng.	và ngoài Bộ	
3	Trồng rừng cung cấp gỗ lớn bằng các loài cây bản địa đa mục đích.	Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng giống cây ghép, cây bản địa bền vững, nâng cao hiệu quả kinh tế	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
4	Phát triển một số cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế, thị trường tiêu thụ (song mật, mây nước, cây được liệt kê)	- Nâng cao năng suất, chất lượng một số cây lâm sản ngoài gỗ; - Xây dựng vùng nguyên liệu ổn định cho các làng nghề mây tre đan xuất khẩu	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017
<b>V Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp</b>				
1	Chuyển giao các TBKT trong trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông lâm sản.	- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông lâm sản; - Giám tồn thất sau thu hoạch sản phẩm nông lâm sản	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2016-2018
2	Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và một số biện pháp kỹ thuật trong sản xuất muối	Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất muối góp phần tăng thu nhập cho điểm dân	Các Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và ngoài Bộ	2015-2017

Phụ lục 3

**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THỨC DẪY NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ TÀI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

(Kèm theo Quyết định số 09/QĐ-N-KHCN ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



TT		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I.	<b>Xác định nhiệm vụ nghiên cứu và khuyến nông trọng tâm</b>			
1.1	Đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tập trung ưu tiên các đối tượng phục vụ tái cơ cấu	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành, Các đơn vị nghiên cứu triển khai	Vụ KHCNMT	Định kỳ hàng năm và đột xuất
1.2	Tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch; kiểm tra giám sát và đánh giá nghiệm thu các sản phẩm	Vụ KHCNMT	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Định kỳ hàng năm và đột xuất
1.3	Đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khuyến nông ưu tiên	Trung tâm khuyến nông Quốc gia, Các địa phương, Các Tổng cục, Cục, Các đơn vị nghiên cứu triển khai	Vụ KHCNMT	Định kỳ hàng năm và đột xuất
1.4	Tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch; kiểm tra giám sát và đánh giá nghiệm thu các sản phẩm	Vụ KHCNMT	Trung tâm KHQG, các Tổng cục, Cục	Định kỳ hàng năm và đột xuất
1.5	Cập nhật cơ sở dữ liệu, công bố danh mục nhiệm vụ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ KHCN&KN	Trung tâm tin học và thống kê	Vụ KHCNMT, các Tổng cục, Cục liên quan	Định kỳ hàng năm và đột xuất

*Handwritten signature*

<b>II Đổi mới cơ chế chính sách</b>			
2.1	Tổ chức đánh giá độc lập các đơn vị KHCN về hiệu quả đầu tư và triển khai các nhiệm vụ được giao	Vụ KHCNMT	Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch Năm 2014
2.2	Hoàn thiện cơ chế giao nhiệm vụ gắn với kinh phí sự nghiệp thường xuyên; Tổ chức hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp khoa học công lập chuyển đổi để tự chủ cao hơn về tổ chức bộ máy, tài chính và nhiệm vụ, sản phẩm được giao	Vụ KHCNMT	Vụ Tài chính, Các đơn vị sự nghiệp KHCN 2014-2015
2.3	Sửa đổi, hoàn thiện quy chế quản lý các nhiệm vụ KHCN và KN để khuyến khích các trường đại học, cao đẳng tham gia nghiên cứu và chuyển giao KHCN thông qua việc đẩy mạnh phương thức đặt hàng giao trực tiếp trong lĩnh vực KHCN	Vụ KHCNMT	Vụ Pháp chế Quý II năm 2014
2.4	Đề xuất cơ chế chính sách, triển khai thực hiện tốt các quy định hiện hành về khuyến khích tư nhân nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ	Vụ KHCNMT	Viện CLCSNNNT và các đơn vị liên quan 2014-2015
<b>III Tăng cường năng lực các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao</b>			
3.1	Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn thúc đẩy đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng KHCN	Vụ TCCB	Vụ KHCNMT 2014
3.2	Gắn kết việc triển khai các nhiệm vụ KHCN	Vụ KHCNMT	Các đơn vị Trong kế hoạch

	với công tác đào tạo nguồn nhân lực trong và ngoài nước		nghiên cứu triển khai	nhiệm vụ KHCN hàng năm
3.3	Tổng rà soát về cơ sở vật chất, trang thiết bị của các đơn vị nghiên cứu triển khai, xác định nhu cầu đầu tư nâng cấp để đầu tư trọng tâm, trọng điểm	Vụ Kế hoạch	Vụ KHCNMT, Vụ Tài chính	
3.4	Xây dựng đề án thư viện điện tử về cơ sở dữ liệu KHCN, các công trình nghiên cứu KHCN trong và ngoài nước	Trung tâm tin học và Thống kê	Vụ KHCNMT	2014-2015
3.5	Tổ chức tổng rà soát hệ thống khuyến nông từ trung ương đến địa phương	Trung tâm KNQG	Các đơn vị liên quan	2014-2015
<b>IV</b>	<b>Tăng cường quản lý nhà nước</b>			
4.1	Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện Chương trình Công nghệ sinh học Nông nghiệp và thủy sản	Vụ KHCNMT	Các đơn vị liên quan	2014
4.2	Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BNNPINT-BTC-BKHCN ngày 28/12/2012 về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 846/QĐ-TTg, ngày 2/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và PINT	Vụ KHCNMT	Các đơn vị liên quan	2014-2017
4.3	Rà soát tổng thể hệ thống tiêu chuẩn, quy	Vụ KHCNMT	Các Tổng cục,	2014

	chuẩn (TCQC); xây dựng kế hoạch hoàn thiện hệ thống TCQC phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng sản phẩm nông sản		các Cục	
<b>V</b>	<b>Hợp tác quốc tế</b>			
5.1	Hợp tác với Viện Nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI) nghiên cứu phân tích chuỗi sản xuất lúa gạo, xác định các vấn đề tồn tại, đề xuất nghiên cứu nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm lúa gạo.	Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn	Vụ KHCNMT, Vụ KH, Cục Trồng trọt, Cục Chế biến NLTS&NM, IRRI	2014-2015
5.2	Xây dựng chương trình nghiên cứu song phương với IRRI về chọn tạo giống lúa trung hạn và dài hạn (đặc biệt về ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo giống)	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Vụ KHCNMT, Cục Trồng trọt	Quý III, IV năm 2014
5.3	Khuyến khích, ưu tiên các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về nghiên cứu và ứng dụng KHCN đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao như công nghệ sinh học, công nghệ viễn thám	Vụ KHCNMT	Các đơn vị liên quan	Trong kế hoạch nhiệm vụ KHCN hằng năm
5.4	Xây dựng kế hoạch tổng thể về hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ cho các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản	Vụ HTQT	Vụ KHCN và các đơn vị liên quan	2014-2015
5.5	Xây dựng một số dự án hợp tác công tư trên	Vụ HTQT	Các đơn vị liên	2014-2016



	một số đối tượng chủ lực, công nghệ mới		quan	
5.6	Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích nhập khẩu, chuyển nhượng bản quyền công nghệ, giống, thiết bị tiên tiến mà trong nước chưa sản xuất được.	Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn	Các đơn vị liên quan	2014-2015

*Huy*